

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 204/2021/DS-ST
Ngày: 06-5-2021
V/v tranh chấp hợp đồng thi công
xây dựng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH,
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Việt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Minh Chánh;

2. Bà Nguyễn Thị Vạn;

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Ngô Thị Thùy Dương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thúy Hiền – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 04 và ngày 06 tháng 5 năm 2021 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 74/2019/TLST-DS ngày 12 tháng 02 năm 2019 về việc: “Tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2021/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 104/2021/QĐST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2021 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Phương K, sinh năm: 1978 (có mặt);

Địa chỉ: D6/21 ấp 4, xã Q, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Minh T, sinh năm: 1971 (vắng mặt);

Địa chỉ: C1/14A ấp 3, xã Q, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Nguyễn Văn A, sinh năm: 1940 (vắng mặt – có yêu cầu giải quyết vắng mặt);

- Bà Trần Thị Tố N, sinh năm: 1943 (vắng mặt – có yêu cầu giải quyết vắng mặt);

Cùng địa chỉ: D6/21 ấp 4, xã Q, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. *Người làm chứng:*

- Ông Châu Cẩm P (vắng mặt – có yêu cầu giải quyết vắng mặt);
Địa chỉ: D6/19D ấp 4, xã C, huyện T, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Ông Nguyễn Hồng T (vắng mặt – có yêu cầu giải quyết vắng mặt);
Địa chỉ: D6/20 ấp 4, xã Q, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Ông Trần Tuấn K (vắng mặt – có yêu cầu giải quyết vắng mặt);
Địa chỉ: C9/24A ấp 3, xã Q, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Ông Thái Minh P (vắng mặt – có yêu cầu giải quyết vắng mặt);
Địa chỉ: D6/15 ấp 4, xã Q, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phương K trình bày:

Do gia đình bà có nhu cầu sửa chữa nhà và do quen biết từ phía ông Trần Văn T (em vợ ông T, ở sát cạnh nhà bà) nên ngày 19/06/2018, bà có ký hợp đồng sửa chữa nhà tại địa chỉ D6/21 ấp 4, xã Qui Đức, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh với ông Nguyễn Minh T với số tiền trọn gói là 330.000.000 đồng (ba trăm ba mươi triệu đồng) gồm tiền công lẫn vật tư xây dựng. Cùng ngày ông T nhận của bà số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng). Đến ngày 03/7/2018 và ngày 05/07/2018, ông T tiếp tục nhận thêm tổng cộng 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng). Ngày 21/07/2018, ông T lấy lý do phát sinh nên có lấy thêm của bà số tiền 15.000.000 đồng và 100.000.000 đồng. Tổng cộng tiền nhà sửa chữa bà đưa đã ông T là: 435.000.000 đồng (bốn trăm ba mươi lăm triệu đồng). Những lần bà đưa tiền cho ông T thì đều có ký nhận từ ông T.

Trong quá trình thi công xây dựng ông T có tiến hành sửa chữa được một phần nhà với chi phí vật tư và tiền công xây dựng với số tiền là 130.900.000 đồng thì ngưng không thi công nữa và bỏ trốn. Trong một số lần thì tiền vật tư và tiền công thợ, ông T không trả mà do bà đứng ra trả, mặc dù ông T đã nhận tiền của bà. Như vậy, ông T là người vi phạm hợp đồng, không thực hiện theo đúng những nội dung sửa chữa, xây dựng nhà theo các bên thỏa thuận và còn bỏ trốn, cố tình lánh mặt.

Tại đơn khởi kiện, bà yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh buộc ông Nguyễn Minh T trả lại cho bà số tiền là 346.159.000 đồng (ba trăm bốn mươi sáu triệu một trăm năm mươi chín nghìn đồng).

Tuy nhiên, do bà tính toán chi phí vật tư, nhân công và chi phí khác có sự sai sót. Cho nên, tại phiên tòa, bà xác định lại yêu cầu khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Minh T trả cho bà số tiền còn lại sau khi trừ đi chi phí đã bỏ ra xây dựng với số tiền là 435.000.000 đồng - 130.900.000 đồng = 304.100.000 đồng (ba trăm lẻ bốn triệu một trăm nghìn đồng). Số tiền trên là tiền riêng của bà bỏ ra để xây dựng, sửa chữa nhà, không phải tài sản chung của vợ chồng. Khi ký kết hợp đồng bà chỉ biết và làm việc trực tiếp với ông T. Do đó bà chỉ yêu cầu

một mình ông T có trách nhiệm trả số tiền trên cho bà, không yêu cầu ai khác cùng có trách nhiệm trả nợ.

Theo Bản tường trình và bản tự khai, bị đơn ông Nguyễn Minh T trình bày:

Ngày 19/6/2018, ông có ký hợp đồng với bà Nguyễn Thị Phương K để sửa chữa căn nhà tại địa chỉ D6/21 ấp 4, xã Qui Đức, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông đã thi công theo đúng nội dung hợp đồng thống nhất giữa các bên, trình tự đúng theo bản hợp đồng. Trong thời gian thi công theo yêu cầu phát sinh làm thêm hạng mục của chủ nhà, ông thực hiện và làm theo đúng yêu cầu của chủ nhà, chi phí tiền vật tư phát sinh thêm tính theo chi phí vật tư của hợp đồng. Nhưng sau đó, bà K tự động báo chấm dứt hợp đồng với ông và không thanh toán tiền tạm ứng phát sinh nên ông không có tiền trả vật tư và tiền công thợ. Ông có thông báo cho Tổ trưởng của ấp và gia đình của bà K để đề nghị bà K tạm ứng tiền nhưng phía bà K không thực hiện và không cho ông tiếp tục thi công. Vì vậy, bà K đơn phương chấm dứt hợp đồng, sai sự việc và trình tự không đúng. Ông kính mong Tòa án xem xét, giải quyết.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Tố N trình bày:

Bà là mẹ ruột của bà Nguyễn Thị Phương K. Theo bà được biết vào ngày 19/6/2018, bà K có ký hợp đồng với ông Nguyễn Minh T để ông T xây dựng, sửa chữa căn nhà tại địa chỉ D6/21 ấp 4, xã Qui Đức, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà K đã nhiều lần giao tiền để ông T xây dựng, sửa chữa nhà. Tuy nhiên, sau khi nhận tiền, ông T không thực hiện đúng thỏa thuận. Ông T không tiếp tục xây dựng hoàn thiện căn nhà. Số tiền mà bà K trả cho ông T là tài sản riêng của bà K không liên quan gì đến bà. Nay bà K tranh chấp với ông Nguyễn Minh T liên quan đến hợp đồng xây dựng nhà thì bà đề nghị Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh giải quyết vụ án này theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn A trình bày:

Ông là cha ruột của bà Nguyễn Thị Phương K. Ông có cùng ý kiến và lời trình bày như của bà Trần Thị Tố N.

Người làm chứng ông Châu Cẩm P trình bày:

Ông là phụ hồ cho ông Nguyễn Minh T để xây dựng căn nhà D6/21 ấp 4, xã Qui Đức, huyện Bình Chánh. Ông phụ hồ cho ông Tâm xây dựng nhà được khoảng 02 tuần trong tháng 7 năm 2018. Đến khoảng cuối tháng 7 năm 2018, ông T không tiếp tục xây dựng căn nhà nêu trên nữa. Khi ông Tâm bỏ đi, căn nhà trên xây dựng chưa xong. Căn nhà chỉ xây dựng được phần móng, 01 phần vách tường, 01 phần mái tôn. Trong thời gian phụ hồ cho ông T thì ông T chỉ trả tiền cho ông được 01 tuần với số tiền mỗi ngày là 300.000 đồng. Sau khi ông T bỏ đi, bà K có tiếp tục thuê ông để xây dựng hoàn thiện căn nhà và bà K là người trực tiếp trả tiền công cho ông.

Người làm chứng ông Nguyễn Hồng T trình bày:

Ông là thợ thi công xây dựng. Vào khoảng tháng 01/2019, ông được bà K thuê xây dựng hoàn thiện căn nhà D6/21 ấp 4, xã Qui Đức, huyện Bình Chánh. Tại thời điểm ông nhận làm cho bà Khanh thì căn nhà xây dựng chưa xong. Ông

nhận làm thêm để hoàn thiện căn nhà ở các hạng mục: xây dựng vách tường, lợp tôn, bọc tôn phía sau nhà, lát gạch, bọc tôn xung quanh căn nhà. Ông cho 05 người đến xây dựng nhà cho bà K khoảng 01 tuần là hoàn thiện căn nhà. Tiền thi công là do bà K trực tiếp trả cho ông.

Người làm chứng ông Trần Tuấn K trình bày:

Ông là nhân viên cửa hàng Trí Thức ở ấp 2, xã Hưng Long, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Vào tháng 7 năm 2018 và tháng 9 năm 2018, bà Nguyễn Thị Phương K có đến cửa hàng mua cửa nhôm và ông là người trực tiếp lắp cửa cho căn nhà D6/21 ấp 4, xã Qui Đức, huyện Bình Chánh. Ông được bà K trả tiền công lắp cửa là 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

Người làm chứng ông Thái Minh P trình bày:

Ông là tổ trưởng tổ 6 ấp 4, xã Qui Đức, huyện Bình Chánh. Ông đang ở phía sau căn nhà D6/21 ấp 4, xã Qui Đức, huyện Bình Chánh do ông Nguyễn Văn A và bà Nguyễn Thị Phương K sử dụng. Theo ông được biết vào giữa tháng 6 năm 2018, ông Nguyễn Minh T có nhận xây dựng, sửa chữa căn nhà D6/21 ấp 4, xã Qui Đức, huyện Bình Chánh. Ông T xây dựng căn nhà trên đến khoảng cuối tháng 7 năm 2018 thì ông T không xây dựng nữa. Ông thấy căn nhà D6/21 ấp 4, xã Qui Đức từ thời điểm ông Tâm xây dựng đến thời điểm ông T bỏ đi thì căn nhà xây dựng chưa xong, còn dở dang. Căn nhà chỉ xây dựng được phần móng, một phần vách tường, các phần khác của căn nhà thì chưa hoàn thiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa có ý kiến phát biểu như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Nguyễn Thị Phương K khởi kiện ông Nguyễn Minh T tranh chấp về hợp đồng thi công xây dựng, bị đơn có nơi cư trú tại huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Do giao dịch dân sự giữa nguyên đơn và bị đơn được thực hiện vào thời điểm Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực, nên Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 và các văn bản pháp luật có liên quan để giải quyết vụ án.

[3]. Về sự vắng mặt của các đương sự: Bị đơn mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn A, bà Trần Thị Tố N, người làm chứng ông Châu Cẩm P, ông Nguyễn Hồng T, ông Trần Tuấn K, ông Thái Minh P vắng mặt nhưng có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Về các yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[4.1]. Tòa án triệu tập bị đơn ông Nguyễn Minh T đến Tòa án để ghi nhận ý kiến, tiến hành đối chất, giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa giải quyết vụ án tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng với bà Nguyễn Thị Phương K nhưng ông Tâm không đến Tòa án để tham gia giải quyết vụ án. Đồng thời, Tòa án đã yêu cầu ông Nguyễn Minh T cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án theo Quyết định số 69/2020/QĐ-CCTLCC ngày 26/5/2020 và Quyết định số 98/2020/QĐ-CCTLCC ngày 27/7/2020 nhưng ông Tâm vẫn không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án. Vì vậy, ông T đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình và phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự. Mặt khác, theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu khởi kiện, lời trình bày, các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và các tài liệu, chứng cứ mà Tòa án thu thập để làm chứng cứ giải quyết vụ án.

[4.2]. Xét Hợp đồng xây dựng lập ngày 19/6/2018, Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo Hợp đồng xây dựng ngày 19/6/2018 giữa bà Nguyễn Thị Phương K với ông Nguyễn Minh T có ghi nhận bên A (là bên chủ nhà) bà Nguyễn Thị Phương K; bên B (là bên thầu) ông Nguyễn Minh T; Bên A có bàn giao cho bên B sửa lại 03 căn nhà tiền chế. Như vậy, có thể xác định được hai bên thỏa thuận nội dung ông Nguyễn Minh T thực hiện xây dựng, sửa chữa công trình nhà ở riêng lẻ tại địa chỉ D6/21 ấp 4, xã Qui Đức, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh với tổng giá trị công trình trọng gói là 330.000.000 đồng (ba trăm ba mươi triệu đồng) giao tiền thành 03 đợt, bao gồm: tiền công, tiền vật tư trọn gói; hợp đồng có hiệu lực từ ngày ký đến ngày bàn giao nhà. Xét, các bên tham gia hợp đồng có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự, hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và hình thức của hợp đồng bằng văn bản. Như vậy, nội dung và hình thức của hợp đồng đã tuân thủ đúng theo Điều 117, Điều 119 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên hợp đồng xây dựng có hiệu lực pháp luật và làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên tham gia giao kết hợp đồng.

[4.3]. Trước khi khởi công xây dựng, sửa chữa công trình phía chủ đầu tư bà Nguyễn Thị Phương K đã thực hiện đầy đủ các thủ tục xin phép, thông báo với chính quyền địa phương và được chính quyền địa phương chấp nhận. Theo tài liệu trong hồ sơ thể hiện tại trang số 02 của hợp đồng xây dựng lập ngày 19/6/2018 có thể hiện trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông T đã nhận của bà K tổng số tiền là 435.000.000 đồng (bốn trăm ba mươi lăm triệu đồng), cụ thể vào các ngày như sau:

- Ngày 19/6/2018 nhận: 200.000.000 đồng;
- Ngày 03/7/2018 nhận: 200.000.000 đồng;
- Ngày 05/7/2018 nhận: 20.000.000 đồng;
- Ngày 21/7/2018 nhận: 15.000.000 đồng.

Trong đó, số tiền 135.000.000 đồng là tiền phát sinh do làm hàng rào và tiền phát sinh khác. Tại các đợt lấy tiền đều có chữ ký xác nhận từ ông T.

[4.4] Xét lỗi vi phạm do chấm dứt hợp đồng:

Tại khoản 4 Điều 422 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về chấm dứt hợp đồng:

“Hợp đồng chấm dứt trong trường hợp sau đây:

...

4. Hợp đồng bị hủy bỏ, bị đơn phương chấm dứt thực hiện”.

Hội đồng xét xử xét thấy: Mặc dù theo lời trình bày của ông T cho rằng bà tự ý thông báo chấm dứt hợp đồng với ông và không thanh toán tiền tạm ứng cho ông nhưng ngoài lời trình bày này ra thì ông T không có tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh bà K là người thực hiện việc chấm dứt hợp đồng trước. Theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ do Tòa án lập ngày 21/8/2019 (bút lục 130), các hình ảnh nguyên đơn cung cấp (từ bút lục số 132 đến bút lục 143), các hóa đơn chứng từ trả tiền công thợ, vật tư xây dựng và lời khai của người làm chứng thì có thể xác định được trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà K đã giao đầy đủ tiền xây dựng nhà cho ông T theo yêu cầu của ông T nhưng ông T chưa xây dựng hoàn thiện căn nhà, tự ý đơn phương chấm dứt hợp đồng và không tiếp tục xây dựng nhà, các hạng mục đã thỏa thuận là vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của hợp đồng mà các bên đã ký kết. Do đó, Hội đồng xét xử nhận định bị đơn ông T đã đơn phương chấm dứt hợp đồng xây dựng trước và lỗi dẫn đến hợp đồng không thể tiếp tục là do bị đơn nên đây thuộc trường hợp chấm dứt hợp đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 422 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4.5]. Đối với yêu cầu buộc bị đơn trả lại tiền:

Tại Điều 428 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định:

“1. Một bên có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng và không phải bồi thường thiệt hại khi bên kia vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trong hợp đồng hoặc các bên có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định.

...

5. Trường hợp việc đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng không có căn cứ quy định tại khoản 1 Điều này thì bên đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng được xác định là bên vi phạm nghĩa vụ và phải thực hiện trách nhiệm dân sự theo quy định của Bộ luật này... ”.

Tại Điều 358 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định:

“1. Trường hợp bên có nghĩa vụ không thực hiện một công việc mà mình phải thực hiện thì bên có quyền có thể yêu cầu bên có nghĩa vụ tiếp tục thực hiện hoặc tự mình thực hiện hoặc giao người khác thực hiện công việc đó và yêu cầu bên có nghĩa vụ thanh toán chi phí hợp lý, bồi thường thiệt hại...”.

Tại Điều 419 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định:

“...Người có quyền có thể yêu cầu bồi thường thiệt hại cho lợi ích mà lẽ ra mình sẽ được hưởng do hợp đồng mang lại. Người có quyền còn có thể yêu cầu người có nghĩa vụ chi trả chi phí phát sinh do không hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng mà không trùng lặp với mức bồi thường thiệt hại cho lợi ích mà hợp đồng mang lại...”.

Theo các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện, ông T đã nhận bà K số tiền là 435.000.000 đồng (bốn trăm ba mươi lăm triệu đồng). Theo sự xác nhận của bà K thì ông T đã xây dựng, sửa chữa được một phần nhà. Đồng thời, bà K tính toán được tiền nhân công và tiền vật liệu xây dựng mà ông T đã bỏ ra xây dựng, sửa chữa nhà là 130.900.000 đồng (một trăm ba mươi triệu chín trăm nghìn đồng). Mặc dù, bà K không cung cấp được các hóa đơn, chứng từ để chứng minh vấn đề này (do đã làm thất lạc) nhưng bà K xác định bà sẽ trừ ra số tiền 130.900.000 đồng (một trăm ba mươi triệu chín trăm nghìn đồng) vào tổng số tiền mà bà K yêu cầu ông T trả. Hội đồng xét xử xét thấy đây là sự tự nguyện của bà K và trong phạm vi yêu cầu khởi kiện nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Số tiền mà ông T có trách nhiệm thanh toán cho bà K được tính như sau: thiệt hại về vật chất với số tiền là 435.000.000 đồng - 130.900.000 đồng = 304.100.000 đồng (ba trăm lẻ bốn triệu một trăm nghìn đồng). Do đó, yêu cầu của bà K về việc buộc ông T hoàn trả số tiền 304.100.000 đồng (ba trăm lẻ bốn triệu một trăm nghìn đồng) là có cơ sở chấp nhận.

[4.6]. Về trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ: Do nguyên đơn chỉ yêu cầu cá nhân ông Nguyễn Minh T trả tiền. Mặc khác, ông T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án không thể xác định người có trách nhiệm liên đới trong việc trả tiền cho nguyên đơn.

[4.7]. Từ những lý lẽ đã viện dẫn; Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Phương K và buộc ông Nguyễn Minh T có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Phương K số tiền 304.100.000 đồng (ba trăm lẻ bốn triệu một trăm nghìn đồng).

[5]. Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6]. Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Minh T phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 1.000.000 đồng (một triệu đồng). Do bà Nguyễn Thị

Phương K đã nộp tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ nên ông Nguyễn Minh T có nghĩa vụ phải thanh toán lại cho bà Nguyễn Thị Phương K số tiền là 1.000.000 đồng (một triệu đồng).

[7]. Về án phí: Bị đơn ông Nguyễn Minh T phải chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 91, Điều 92, Điều 147, điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 117, Điều 119, Điều 357, Điều 358, Điều 419, Điều 422, Điều 428, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Phương K về việc “Tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng” với ông Nguyễn Minh T;

Tuyên bố chấm dứt hợp đồng xây dựng lập ngày 19/6/2018 giữa bà Nguyễn Thị Phương K và ông Nguyễn Minh T.

Buộc ông Nguyễn Minh T có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị Phương K số tiền là 304.100.000 đồng (ba trăm lẻ bốn triệu một trăm nghìn đồng).

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Minh T phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 1.000.000 đồng (một triệu đồng). Ông Nguyễn Minh T có trách nhiệm thanh toán lại chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ cho bà Nguyễn Thị Phương K với số tiền là 1.000.000 đồng (một triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

3.1. Ông Nguyễn Minh T chịu 15.205.000 đồng (mười lăm triệu hai trăm lẻ năm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Phương K số tiền tạm ứng án phí 7.102.650 đồng (bảy triệu một trăm lẻ hai nghìn sáu trăm năm mươi đồng) mà bà Khanh đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0006752 ngày 21/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được giao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân H.BC;
- Chi cục THADS H.BC;
- Lưu: VT, hồ sơ.

Nguyễn Tấn Việt

